TỈNH ỦY LÀO CAI	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
*	
Số 40 -CT/TU	*Lào Cai, ngày 14 tháng 8 năm 2026*

CHỈ THỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển thị trường lao động, tạo việc làm trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Lào Cai

---

Trong những năm qua, công tác phát triển thị trường lao động, tạo việc làm trên địa bàn tỉnh được các cấp ủy, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đạt nhiều kết quả tích cực, chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên. Tính đến tháng 6/2026, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70,5%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 26%; quy mô việc làm tiếp tục được mở rộng, kỹ năng nghề nghiệp, năng suất lao động được nâng lên, thu nhập của người lao động tiếp tục được cải thiện; tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội chiếm 49,15%; tỷ lệ thất nghiệp trong lực lượng lao động duy trì đạt dưới 2%.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, phát triển thị trường lao động còn một số hạn chế, đó là: Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển mới; công tác đánh giá chất lượng nguồn nhân lực và dự báo cung - cầu lao động còn bất cập; cơ cấu đào tạo chưa gắn với thị trường lao động, liên kết trong đào tạo, đào tạo lại và gắn với việc tuyển dụng lao động còn hạn chế; tỷ lệ lao động phi chính thức, tỷ lệ thất nghiệp trong thanh niên còn cao; hệ thống dữ liệu thị trường lao động chưa đồng bộ.

Trước yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, nhất là tác động của chuyển đổi số, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo (AI), chuyển đổi xanh và hội nhập quốc tế, yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ngày càng cao; đồng thời đòi hỏi thị trường lao động phát triển linh hoạt, hiệu quả, bền vững và hội nhập. Để phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, bảo đảm việc làm, thu nhập cho người lao động; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số của tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển thị trường lao động, tạo việc làm trong tình hình mới và quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ tại Kết luận số 62-KL/TW ngày 29/6/2026 của Ban Bí thư về nâng cao năng suất lao động quốc gia gắn với phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả trong giai đoạn mới; Thông báo kết luận số 123-TB/VPTW ngày 16/7/2026 của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại buổi làm việc về chất lượng nguồn lao động Việt Nam, giải pháp tạo việc làm bền vững ở nông thôn, đô thị, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và công tác đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn phát triển mới; Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh kinh tế - xã hội; Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 05/02/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030.

Phát triển thị trường lao động theo hướng hiện đại, đồng bộ, linh hoạt, hiệu quả và hội nhập; gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng việc làm, thích ứng với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh. Tạo điều kiện để chuyển dịch lao động từ khu vực có năng suất lao động thấp sang khu vực có năng suất lao động cao hơn. Gắn phát triển việc làm bền vững, việc làm xanh với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, nhất là mục tiêu phát triển hai con số của tỉnh; quan tâm hỗ trợ lao động yếu thế vào thị trường lao động.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung: Phát triển thị trường lao động tỉnh Lào Cai theo hướng hiện đại, minh bạch, linh hoạt, hiệu quả, bền vững và hội nhập; tạo việc làm bền vững, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của người lao động. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển từ lợi thế lao động giá rẻ sang nguồn nhân lực có chất lượng, kỹ năng và năng suất cao; chú trọng đào tạo, đào tạo lại, nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng số, kỹ năng xanh, ngoại ngữ, tạo điều kiện để người lao động thích ứng, chuyển đổi nghề nghiệp và học tập suốt đời; thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với mô hình tăng trưởng và không gian phát triển mới; thu hẹp chênh lệch về chất lượng nguồn nhân lực, việc làm và thị trường lao động giữa các vùng, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số và phát triển nhanh, bền vững của tỉnh.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

(1) Về việc làm

- Giai đoạn 2026-2030, phấn đấu giải quyết việc làm mới cho khoảng 150.000 người, bình quân giải quyết việc làm cho 30.000 người/năm.

- Duy trì tỷ lệ thất nghiệp chung ở mức 1,5%, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 2%; tỷ lệ thất nghiệp thanh niên thành thị dưới 6%, tỷ lệ thiếu việc làm của thanh niên nông thôn dưới 5%.

(2) Về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 36%; đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho khoảng 50% lực lượng lao động.

- Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 90% năm 2030.

(3) Về cơ cấu lao động

- Cơ cấu lao động làm việc trong các lĩnh vực: Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 41,8%; Công nghiệp - xây dựng chiếm 24%; Thương mại - dịch vụ chiếm 34,2%;

- Bình quân mỗi năm chuyển dịch 1,7% lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, tương ứng với khoảng 7.000 lao động/năm.

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 42%.

(4) Về công tác hướng nghiệp, giới thiệu việc làm

Đến năm 2030, có 90% học sinh, sinh viên tốt nghiệp trung học phổ thông được hướng nghiệp, 45% lao động được cơ sở giới thiệu việc làm tư vấn, giới thiệu có việc làm.

(5) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội tăng bình quân trên 6,5%/năm.

(6) Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 45%, tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt 35%.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương đối với công tác phát triển thị trường lao động, tạo việc làm

Các cấp ủy, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển thị

trường lao động, đào tạo nghề, tạo việc làm bền vững; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên, gắn chặt với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, lấy kết quả giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động và thu nhập của người lao động làm căn cứ quan trọng để đánh giá hiệu quả thực hiện.

Đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về đào tạo nghề, giải quyết việc làm và phát triển nguồn nhân lực vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, 5 năm của cấp tỉnh, cấp xã. Thực hiện nhất quán quan điểm phát triển nguồn nhân lực phải đi trước một bước; gắn kế hoạch đào tạo, cung ứng và sử dụng lao động với mục tiêu tăng trưởng kinh tế hai con số, quy hoạch và định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, nhu cầu của doanh nghiệp, danh mục dự án thu hút đầu tư và tiến độ các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển thị trường lao động, tạo việc làm

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, ngành, doanh nghiệp và người lao động về vai trò, tầm quan trọng của việc làm, phát triển thị trường lao động trong tình hình mới.

Tăng cường tuyên truyền, định hướng nghề nghiệp, việc làm, học nghề cho thanh niên, học sinh, người lao động nhằm nâng cao nhận thức của người lao động về học nghề, việc làm, tham gia thị trường lao động. Đổi mới hình thức, nội dung thông tin, truyên truyền phù hợp với từng vùng, từng nhóm đối tượng để thanh niên, học sinh, người lao động tích cực tham gia học nghề, tìm việc làm phù hợp. Các doanh nghiệp tích cực tham gia cung cấp thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động phục vụ công tác thông tin thị trường lao động, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ giải quyết việc làm cho người lao động.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lao động, việc làm và giáo dục nghề nghiệp

Nâng cao chất lượng công tác dự báo cung - cầu lao động và xác định nhu cầu sử dụng lao động theo từng ngành, lĩnh vực, địa bàn, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu và các dự án trọng điểm; gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh làm cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực phù hợp. Gắn công tác dự báo và chuẩn bị nguồn nhân lực

với kịch bản tăng trưởng kinh tế, danh mục dự án thu hút đầu tư và tiến độ triển khai các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh. Đối với các dự án lớn, xác định cụ thể nhu cầu sử dụng lao động để có phương án đào tạo, cung ứng lao động phù hợp đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư, không để thiếu hụt lao động ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

Tăng cường phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và nhà đầu tư trong trao đổi thông tin, xác định nhu cầu sử dụng lao động, tổ chức kết nối cung - cầu lao động và phát triển nguồn nhân lực theo yêu cầu của từng ngành, lĩnh vực, từng giai đoạn phát triển; bảo đảm cân đối cung - cầu lao động, hạn chế tình trạng thiếu hụt lao động tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu và các dự án trọng điểm.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động; xây dựng hệ thống dữ liệu thị trường lao động đồng bộ, liên thông, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và hoạch định chính sách.

Triển khai hiệu quả Sàn giao dịch việc làm trực tuyến quốc gia kết nối với các địa phương; hỗ trợ người lao động mở rộng cơ hội tiếp cận việc làm nhanh chóng, minh bạch, không bị giới hạn bởi địa giới hành chính. Vận hành hệ thống ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) gợi ý công việc phù hợp nhất với kỹ năng và kinh nghiệm của người lao động; hỗ trợ tạo hồ sơ, tìm kiếm việc làm, ứng tuyển và tham gia các phiên giao dịch việc làm trực tuyến. Cập nhật, công bố bản tin thị trường lao động, định kỳ cung cấp cho các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp phục vụ công tác quản lý, tuyển dụng, sử dụng lao động.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp và bảo hiểm xã hội; kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh trong quan hệ lao động.

4. Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động, nâng cao chất lượng dự báo nhu cầu nhân lực, đẩy mạnh chuyển đổi số trong giải quyết việc làm, thông tin thị trường lao động

Phát triển thị trường lao động theo hướng hiện đại, đồng bộ, linh hoạt, hiệu quả và hội nhập, bảo đảm kết nối hiệu quả giữa cung và cầu lao động, giữa đào tạo với sử dụng lao động, giữa phát triển thị trường lao động với thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững của tỉnh.

Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về lao động, việc làm bảo đảm đồng bộ, thống nhất, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia; nâng cao chất lượng công

tác thu thập, cập nhật, phân tích và dự báo thị trường lao động. Đầu tư phát triển thị trường lao động số; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, khai thác xử lý dữ liệu lớn (Big Data) trong quản lý lao động, kết nối cung - cầu lao động và dự báo việc làm.

Xây dựng cơ chế quản trị, khai thác và chia sẻ dữ liệu thị trường lao động trên nền tảng số của tỉnh theo nguyên tắc "đúng - đủ - sạch - sống - dùng chung", được cập nhật thường xuyên, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Đồng thời, hoàn thiện hệ thống theo dõi, giám sát và cảnh báo sớm biến động thị trường lao động trên cơ sở dữ liệu số, bảo đảm dự báo kịp thời nguy cơ thiếu hụt, dư thừa, mất cân đối cung - cầu lao động theo ngành, lĩnh vực, địa bàn và các dự án trọng điểm, phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đa dạng các hình thức tư vấn, kết nối cung - cầu lao động mở rộng các hình thức "hội chợ việc làm"; "ngày hội việc làm", "sàn giao dịch việc làm" có sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức và người lao động để kết nối cung cầu lao động đạt hiệu quả cao. Khuyến khích doanh nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các tổ chức dịch vụ việc làm tham gia các nền tảng tuyển dụng lao động trực tuyến; hỗ trợ người lao động, nhất là thanh niên, lao động nông thôn, lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số nâng cao kỹ năng số, kỹ năng tìm kiếm việc làm trên môi trường mạng.

Đầu tư phát triển, hiện đại hóa hệ thống dịch vụ việc làm công của tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động. Hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề. Phát triển đồng bộ hạ tầng số bao gồm hạ tầng dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật chung của tỉnh về giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp các cấp.

5. Triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết việc làm, chú trọng đối với lao động nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số

5.1. Tạo việc làm bền vững ở đô thị gắn với mô hình tăng trưởng mới, phát triển doanh nghiệp và nâng cao chất lượng sống

Phát triển mạnh cầu lao động tại đô thị thông qua thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, nhất là kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, logistics, thương mại điện tử, dịch vụ chất lượng cao, kinh tế số và kinh tế xanh. Quy hoạch phát triển phải gắn với mục tiêu tạo

việc làm bền vững; thu hút và ưu đãi đầu tư phải hướng tới các dự án tạo việc làm có năng suất, giá trị cao, chuyển giao công nghệ và đào tạo lao động trong doanh nghiệp.

Phát triển mạnh khu vực việc làm chính thức, từng bước thu hẹp khu vực việc làm phi chính thức, mở rộng diện bao phủ của quan hệ lao động và an sinh xã hội. Có chính sách phù hợp để lao động phi chính thức, hộ kinh doanh, doanh nghiệp siêu nhỏ chuyển sang khu vực chính thức thuận lợi hơn; bảo đảm người lao động có điều kiện nâng cao kỹ năng nghề.

Gắn việc làm đô thị với nâng cao chất lượng cuộc sống và cân đối cung, cầu lao động, tạo thuận lợi cho người lao động được thụ hưởng các thiết chế như nhà ở công nhân, nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê, trường học, y tế cơ sở, giao thông công cộng, thiết chế văn hóa và dịch vụ thiết yếu tại khu công nghiệp, khu kinh tế. Đáp ứng nhu cầu nhân lực cho khu công nghiệp, các dự án, công trình trọng điểm.

5.2. Tạo việc làm bền vững ở nông thôn gắn với nâng cao giá trị lao động, thúc đẩy chuyển dịch lao động có kỹ năng, bảo đảm sinh kế bền vững

Chú trọng tạo việc làm tại chỗ, nâng cao giá trị việc làm trong nông nghiệp, chuyển mạnh từ sản xuất, năng suất thấp sang nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh tuần hoàn, gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Gắn giá trị sản phẩm với giá trị việc làm nông thôn.

Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, nhất là ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới; khuyến khích phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa gắn với khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của từng địa phương; phát triển các chuỗi giá trị sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, du lịch cộng đồng, làng nghề truyền thống, dịch vụ nông thôn; hỗ trợ các hợp tác xã, hộ sản xuất ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, thương mại điện tử và xây dựng thương hiệu sản phẩm; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động; tạo việc làm cho người lao động.

Có lộ trình phù hợp chuyển dịch lao động nông thôn. Hướng nghiệp, đào tạo lao động nông thôn, mở rộng cơ hội chuyển dịch nghề nghiệp sang làm nông nghiệp hiện đại, làm công nghiệp, dịch vụ tại chỗ, tham gia chuỗi giá trị vùng, làm việc ở đô thị hoặc đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Bảo đảm người lao động được trang bị kỹ năng nghề, kỹ năng số, kỹ năng xanh, kỷ luật lao động, kiến thức pháp luật, có bảo hiểm và dịch vụ việc làm.

5.3. Tạo việc làm bền vững ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với khơi dậy nội lực, giảm nghèo bền vững và giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc

Mở rộng kết nối thị trường và dịch vụ việc làm cho lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nhà nước hỗ trợ hạ tầng, tín dụng, thông tin, đào tạo, tư vấn pháp luật; doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất liên kết bao tiêu, hướng dẫn kỹ thuật, xây dựng thương hiệu, tiêu chuẩn chất lượng. Chính quyền địa phương tổ chức kết nối việc làm an toàn, hạn chế tình trạng di cư tự phát, việc làm thiếu ổn định.

Phát triển việc làm gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường, giữ rừng, giữ đất, giữ nguồn nước, giữ biên cương, bảo đảm an ninh trật tự. Mục tiêu là tạo việc làm phù hợp với điều kiện tự nhiên, trình độ văn hóa, tập quán sản xuất, giúp đồng bào dân tộc thiểu số ổn định đời sống, giảm nghèo bền vững, tự tin hội nhập, đóng góp vào phát triển chung của đất nước.

Gắn giáo dục nghề nghiệp và đào tạo kỹ năng với sinh kế, điều kiện thực tế của từng vùng, từng dân tộc, từng cộng đồng. Đánh giá hiệu quả đào tạo bằng việc làm được tạo ra, sản phẩm được tiêu thụ và thu nhập của người dân tăng lên.

5.4. Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách giải quyết việc làm của Nhà nước

Tăng cường đầu tư nguồn lực cho các chương trình, đề án tạo nhiều việc làm bền vững, nhất là việc làm năng suất cao; chính sách việc làm công; ưu tiên tạo việc làm cho nhóm lao động đặc thù, lao động yếu thế, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Thu hút các doanh nghiệp, dự án đầu tư sử dụng nhiều lao động; ưu tiên các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, dịch vụ, du lịch, logistics, kinh tế cửa khẩu. Tăng cường nguồn tín dụng, ưu tiên bố trí vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội để triển khai hiệu quả các chương trình tín dụng giải quyết việc làm để thúc đẩy tạo việc làm mới, bền vững, việc làm cho đối tượng yếu thế, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Nghiên cứu đề xuất các chính sách để hỗ trợ tuyển dụng và sử dụng các nhóm lao động đặc thù, lao động yếu thế, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, lao động sinh sống tại các xã đặc biệt khó khăn tham gia thị trường lao động có việc làm bền vững.

5.5. Triển khai hiệu quả công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Triển khai chính sách hỗ trợ đưa lao động của tỉnh Lào Cai đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2026-2030, xác định đây là một trong các kênh quan trọng để tạo việc làm, nâng thu nhập, rèn luyện kỹ năng, tiếp cận công nghệ, quản trị hiện đại, ngoại ngữ, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp. Quản lý chặt chẽ, bảo vệ quyền lợi của người lao động. Lao động sau khi về nước phải được kết nối với doanh nghiệp, khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, chương trình khởi nghiệp, hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thu hút, trọng dụng chuyên gia nước ngoài, lao động kỹ thuật cao, nhà quản lý, chuyên gia vận hành các dự án công nghệ cao vào làm việc để chuyển giao, đào tạo cho người lao động của tỉnh; thu hút FDI gắn với yêu cầu chuyển giao công nghệ, phát triển kỹ năng và nâng cấp vị trí của lao động của tỉnh trong chuỗi giá trị. Tích cực triển khai các văn bản, thỏa thuận đã ký kết giữa tỉnh Lào Cai và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), các địa phương của Hàn Quốc về lao động, việc làm, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài.

6. Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 88-NQ/TU ngày 13/7/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026-2030; các giải pháp phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao, nhân lực phục vụ chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; chủ động cập nhật dự báo những thay đổi của thị trường lao động trong bối cảnh phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI), tự động hóa và kinh tế số để có giải pháp đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phù hợp.

Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình và phương thức đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, bám sát yêu cầu của thị trường lao động và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Gắn đào tạo nghề với đào tạo tác phong, kỷ luật, ngoại ngữ cho người lao động, chú trọng đào tạo kỹ năng nghề, kỹ năng số, kỹ năng đổi mới sáng tạo và các kỹ năng thích ứng với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, hội nhập quốc tế.

Đẩy mạnh công tác giáo dục hướng nghiệp, tăng tỷ lệ học sinh tham gia học nghề; nâng vị thế lao động thực hành giỏi, đưa học nghề trở thành con đường phát triển được coi trọng, có thu nhập và cơ hội thăng tiến. Phát triển hồ sơ kỹ năng của người lao động để có thể cập nhật, chuyển đổi kỹ năng trong suốt đời làm việc.

Chú trọng đào tạo theo nhu cầu, đặt hàng của doanh nghiệp, địa phương, gắn với nhu cầu thị trường lao động, liên kết "Nhà nước - nhà trường - doanh

nghiệp", doanh nghiệp là trung tâm đặt hàng, thực hành và đánh giá chất lượng đầu ra. Xác định nhu cầu nhân lực gắn với quy hoạch phát triển. Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, tạo việc làm. Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động.

Đẩy mạnh liên kết với các cơ sở đào tạo, các trường đại học, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kỹ sư, cán bộ kỹ thuật và lao động có trình độ cao; có cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia, lao động kỹ thuật cao đến làm việc lâu dài tại tỉnh.

Đổi mới công tác đánh giá chất lượng và hiệu quả đào tạo theo kết quả đầu ra; gắn trách nhiệm của cơ sở đào tạo với tỷ lệ người học có việc làm, làm việc đúng ngành nghề được đào tạo, mức độ đáp ứng yêu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, thu nhập và năng suất lao động sau đào tạo. Tăng cường trách nhiệm của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong việc theo dõi, đánh giá kết quả việc làm của người học sau tốt nghiệp để kịp thời điều chỉnh chương trình, quy mô và phương thức đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

7. Thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh và bảo hiểm cho người lao động

Tổ chức thực hiện các giải pháp để thu hút, tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động để khuyến khích người lao động tham gia và thụ hưởng chính sách. Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nhà ở xã hội cho người lao động.

Tổ chức cung cấp thông tin và dịch vụ tư vấn pháp lý cho người lao động khi tham gia thị trường lao động. Thu hút người lao động tham gia tổ chức công đoàn, nâng cao hiệu quả công tác đối thoại, thương lượng bảo vệ quyền lợi của người lao động. Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho người lao động. Xử lý nghiêm hành vi vi phạm quy định của pháp luật về lao động, đặc biệt là về ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội và các chế độ an sinh xã hội khác cho người lao động.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

- Tổ chức quán triệt, phổ biến Chỉ thị đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân; xây dựng kế hoạch thực hiện Chỉ thị bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện

nghiêm túc, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chỉ thị; thời gian thực hiện: ***Hoàn thành trước 15/9/2026.***

- Tăng cường kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định; thời gian thực hiện: ***Hằng năm.***

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp; phân công rõ trách nhiệm các sở, ngành, địa phương; thời gian thực hiện: Hoàn thành ***trước ngày 15/9/2026***.

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương triển khai, thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách, pháp luật về phát triển thị trường lao động, tạo việc làm cho người lao động, cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của tỉnh. Tăng cường công tác quản lý nhà nước, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về việc làm, thị trường lao động. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện. Theo dõi, đôn đốc và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy; thời gian thực hiện: ***Hằng năm.***

3. Đảng ủy Các cơ quan Đảng tỉnh

- Lãnh đạo Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách và thực hiện chức năng giám sát tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển thị trường lao động, tạo việc làm; thời gian thực hiện: ***Thường xuyên.***

- Lãnh đạo Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh tuyên truyền; vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chỉ thị; phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện Chỉ thị; thời gian thực hiện: ***Thường xuyên.***

4. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy: Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chỉ thị của các cấp ủy, tổ chức đảng; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót trong quá trình triển khai thực hiện; thời gian thực hiện: ***Thường xuyên.***

5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ

- Chủ trì định hướng quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Chỉ thị, trọng tâm là quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm bền vững; tuyên

truyền nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, doanh nghiệp và người lao động về đào tạo nghề, chuyển dịch cơ cấu lao động, kết nối cung - cầu lao động, thích ứng với chuyển đổi số và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; thời gian thực hiện: ***Hoàn thành trước 30/8/2026.***

- Chủ trì theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị, định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện; thời gian thực hiện: ***Định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.***

Chỉ thị này được phổ biến đến các Chi bộ.

Nơi nhận:
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Đảng ủy Bộ Nội vụ;
- Các đ/c Ủy viên BTV Tỉnh ủy;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy;
- Chuyên viên Phòng Tổng hợp, VPTU;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY LÀO CAI

Giàng Thị Dung